TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Hùng Dũng

2. Ông Dương Văn Hậu

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Nguyễn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phương Thị Ngọc A, sinh năm 1987. Số căn cước công dân: 095187008145. Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Thạch A1, sinh năm 1986. Giấy chứng minh nhân dân sô 385297914 cấp ngày 09/6/2017. Địa chỉ: Ấp C, xã H, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phương Thị Ngọc A trình bày: Chị và anh Thạch A1 tự nguyện chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào khoảng cuối năm 2004. Đến năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cà Mau) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/02/2009. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng đầu năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Thạch A1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh Thạch A1 có 05 người con gồm Thạch Hoàng Q, sinh ngày 28/7/2005; Thạch Văn T, sinh ngày 25/9/2009; Thạch Thị Như Q1, sinh ngày 01/12/2011; Thạch Hoàng Đ, sinh ngày 07/3/2016 và Thạch Thị Thúy B, sinh ngày 26/12/2017. Đối với cháu Q đã trưởng thành, không bị nhược điểm về tinh thần và thể chất nên không yêu cầu giải quyết. Theo đơn khởi kiện, chị Ngọc A yêu cầu trực tiếp nuôi các cháu T, Q1, Đ và B và không yêu cầu anh Thạch A1 cấp dưỡng. Quá trình giải quyết, chị A1 đồng ý giao cháu Thạch Văn T, sinh ngày 25/9/2009, Thạch Thị Như Q1, sinh ngày 01/12/2011 và Thạch Hoàng Đ, sinh ngày 07/3/2016 cho anh Thạch A1 trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Thạch Thị Thúy B thì chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu B đang sống cùng với chị; đối với cháu T, Q1 và Đ đang sống cùng anh Thạch A1.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thạch A1 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của chị Ngọc A về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và tình trạng mâu thuẫn gia đình. Anh Thạch A1 đồng ý ly hôn với chị Ngọc A do quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Về con chung: anh yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là Thạch Văn T, sinh ngày 25/9/2009; Thạch Thị Như Q1, sinh ngày 01/12/2011; Thạch Hoàng Đ, sinh ngày 07/3/2016 và không yêu cầu chị Ngọc A cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Thạch Thị Thúy B, sinh ngày 26/12/2017 thì anh đồng ý giao cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngọc A và anh Thạch A1; về con chung: Giao cháu Thạch Văn T, sinh ngày 25/9/2009; Thạch Thị Như Q1, sinh ngày 01/12/2011 và Thạch Hoàng Đ, sinh ngày 07/3/2016 cho anh Thạch A1 trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Thạch Thị Thúy B, sinh ngày 26/12/2017 cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, anh Thạch A1 và chị Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau đã triệu tập chị Ngọc A và anh Thạch A1 tham gia phiên tòa nhưng chị Ngọc A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn anh Thạch A1 vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố

tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ngọc A và anh Thạch A1.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Ngọc A khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Thạch A1 nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Thạch A1 hiện đang cư trú tại Ấp C, xã H, tỉnh Cà Mau nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Quan hệ hôn nhân: Chị Ngọc A và anh Thạch A1 tự nguyện sống chung vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cà Mau), cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/02/2009 nên hôn nhân của chị Ngọc A và anh Thạch A1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị Ngọc A và anh Thạch A1 xác định, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân cuối năm 2018 cho đến nay. Chị Ngọc A yêu cầu ly hôn với anh Thạch A1 và anh Thạch A1 cùng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Chị Ngọc A và anh Thạch A1 xác định, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phương Thị Ngọc A và anh Thạch A1.

[4] Về con chung: Chị Ngọc A và anh Thạch A1 thống nhất xác định có 05 người con gồm Thạch Hoàng Q, sinh ngày 28/7/2005; Thạch Văn T, sinh ngày 25/9/2009; Thạch Thị Như Q1, sinh ngày 01/12/2011; Thạch Hoàng Đ, sinh ngày 07/3/2016 và Thạch Thị Thúy B, sinh ngày 26/12/2017, hiện tại cháu Q đã đủ tuổi trưởng thành không bị nhược điểm về tinh thần, thể chất, chị Ngọc A và anh Thạch A1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Khi ly hôn chị Ngọc A và anh Thạch A1 thống nhất giao cháu Thạch Văn T, sinh ngày 25/9/2009; Thạch Thị Như Q1, sinh ngày 01/12/2011 và Thạch Hoàng Đ, sinh ngày 07/3/2016 cho anh Thạch A1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Thạch Thị Thúy B, sinh ngày 26/12/2017 cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại cháu T, cháu N và cháu Đ đang sống với anh Thạch A1, cháu B đang sống với chị Ngọc A. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận của chị Ngọc A và anh Thạch A1 về việc nuôi dưỡng con chung phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu T, Q1 và Đ cho anh Thạch A1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu B cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thạch A1 và chị Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngọc A và anh Thạch A1 không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Ngọc A và anh Thạch A1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Ngọc A và anh Thạch A1 xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do chị Ngọc A và anh Thạch A1 thuận tình ly hôn nên chị Ngọc A và anh Thạch A1, mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Chị Phương Thị Ngọc A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005540 ngày 28/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu án phí 75.000 đồng và chị Phương Thị Ngọc A được nhận lại số tiền 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[8] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận của chị Phương Thị Ngọc A và anh Thạch A1. Chị Phương Thị Ngọc A và anh Thạch A1 thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Thạch Văn T, sinh ngày 25/9/2009; Thạch Thị Như Q1, sinh ngày 01/12/2011 và Thạch Hoàng Đ, sinh ngày 07/3/2016 cho anh Thạch A1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Thạch Thị Thúy B, sinh ngày 26/12/2017 cho chị Phương Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại cháu T, cháu N và cháu Đ đang sống với anh Thạch A1, cháu B đang sống với chị Phương Thị Ngọc A.

Chị Phương Thị Ngọc A và anh Thạch A1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phương Thị Ngọc A và anh Thạch A1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Phương Thị Ngọc A và anh Thạch A1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Phương Thị Ngọc A và anh Thạch A1 xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phương Thị Ngọc A và anh Thạch A1, mỗi người phải nộp 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng). Chị Phương Thị Ngọc A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005540 ngày 28/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu án phí 75.000 đồng và chị Phương Thị Ngọc A được nhận lại số tiền 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

6. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Hưng Hội;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Khanh